

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **924**/UBND-TCCB

V/v xin ý kiến tham gia góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện

Hà Nội, ngày **09** tháng 7 năm 2021

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công văn số 5036/BNV-TCBC ngày 29/9/2020 của Bộ Nội vụ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ xây dựng, ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân các cấp để thay thế Thông tư liên tịch với Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cho phù hợp; thực hiện các văn bản nêu trên, Ủy ban Dân tộc dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện.

Ủy ban Dân tộc đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, tham gia ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư (được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Ủy ban Dân tộc) gửi về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Tổ chức cán bộ) số 349, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 20/7/2021 để tổng hợp, hoàn thiện; file mềm gửi đến địa chỉ [vutccb@cema.gov.vn](mailto:vutccb@cema.gov.vn). Thông tin liên hệ: Vụ Tổ chức cán bộ, điện thoại: 024 37336812.

Ủy ban Dân tộc trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT UBNDT;
- Lưu: VT, TCCB (02b). 4

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**



**Hầu A Lệnh**



**BẢN THUYẾT MINH, SO SÁNH NỘI DUNG THÔNG TƯ THAY THẾ  
THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 07/2014/TTLT-UBND-BNV NGÀY 22/12/2014 CỦA  
BỘ THƯƠNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC VÀ BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

*(kèm theo công văn số : 924 /UBND-TCCB ngày 09/7/2021 của Ủy ban Dân tộc)*

*\* Ghi chú: Chữ in đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung*

Thông tư số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/12/2014	Nội dung Thông tư	Thuyết minh, giải trình
<p><i>Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 2 năm 2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-GP ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;</i></p>	<p><i>Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị</i></p>	<p><i>Cập nhật, bổ sung các văn bản pháp luật mới được ban hành.</i></p>



Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ về thẩm quyền ban hành và nội dung Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tại Công văn số /BNV-TCCB ngày tháng năm 2021;

<p><i>Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) như sau:</i></p>	<p><b>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ:</b></p> <p><i>Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) như sau:</i></p>	<p>- Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật không còn hình thức Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;</p> <p>- Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định cơ cấu tổ chức của Sở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.</p>
<p style="text-align: center;"><b>Chương I</b> <b>BAN DÂN TỘC</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương I</b> <b>BAN DÂN TỘC</b></p>	<p style="text-align: center;">Giữ nguyên</p>
<p><b>Điều 1. Vị trí và chức năng</b></p> <p>1. Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.</p>	<p><b>Điều 1. Vị trí và chức năng</b></p> <p>1. Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, <b>thực hiện</b> chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc.</p>	<p>Bổ sung cụm từ “<b>thực hiện</b>” cho phù hợp với quy định Nghị định 107/2020/NĐ-CP.</p>
<p>2. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.</p>	<p>2. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; <b>chấp hành</b> sự chỉ đạo, quản lý về <b>tổ chức, biên chế</b> và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời <b>chấp hành</b> sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.</p>	<p>Điều chỉnh cụm từ “<b>chịu sự</b>” thành cụm từ “<b>chấp hành sự</b>” và bổ sung cụm từ “<b>tổ chức, biên chế</b>” theo quy định Nghị định 107/2020/NĐ-CP.</p>
<p><b>Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn</b></p>	<p><b>Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn</b></p>	<p style="text-align: center;">Giữ nguyên</p>

<p>1. Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:</p> <p>a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc và nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;</p> <p>b) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc;</p> <p>c) Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Ban; Trưởng, Phó phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>	<p><del>1. Chủ trì xây dựng và</del> Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:</p> <p><i>a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ban Dân tộc và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</i></p> <p><i>b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Ban Dân tộc;</i></p> <p><i>c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc cho sở, cơ quan ngang sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện;</i></p> <p><i>d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban Dân tộc nếu có;</i></p> <p><i>đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về công tác dân tộc thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.</i></p>	<p>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 1, điều 1, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP</p>
<p>2. Chủ trì xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:</p> <p>a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác dân tộc;</p>	<p><del>2. Chủ trì xây dựng và</del> Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công.</p> <p><del>a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy</del></p>	<p>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 1, điều 1, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP</p>



<p>b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị của Ban theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>	<p><del>ban nhân dân cấp tỉnh về công tác dân tộc;</del></p> <p><del>b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị của Ban theo quy định của pháp luật;</del></p> <p><del>c) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.</del></p>	
<p>3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao cho đồng bào dân tộc thiểu số; chủ trì, phối hợp vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p>	<p>3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, <del>quy hoạch</del>, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, <del>chính sách thuộc lĩnh vực về</del> công tác dân tộc sau khi đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao cho đồng bào dân tộc thiểu số; chủ trì, phối hợp vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p>	<p>Chỉnh sửa theo quy định tại khoản 1, điều 1, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP</p>
<p>4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng biển đảo, vùng căn cứ địa cách mạng và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng biển đảo, vùng căn cứ địa cách mạng và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Giữ nguyên</p>
<p>5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực</p>	<p>5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá</p>	<p>Giữ nguyên</p>

<p>hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p>	
	<p><b>6. Là cơ quan thường trực tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 của tỉnh.</b></p>	<p>Bổ sung thêm vì lý do: Hiện nay, UBND được Quốc hội, Chính phủ giao là cơ quan Thường trực tham mưu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia PTKT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030 (Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Quyết định số 1014/QĐ-TTg); và thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia đặt tại UBND. Như vậy, để đồng bộ thống nhất trong quản lý, điều hành xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương cần quy định trong dự thảo Thông tư hướng dẫn để các tỉnh có cơ sở thành lập đơn vị tham mưu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.</p>



<p>6. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc ở vùng dân tộc thiểu số trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.</p>	<p>7. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc ở vùng dân tộc thiểu số trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi khoản 6 thành khoản 7.</p>
	<p><i>8. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận, bổ sung người có uy tín và thực hiện việc rà soát, bổ sung hoặc thay thế người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với có uy tín.</i></p>	<p>Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó Thủ tướng Chính phủ giao:</p> <p>+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: a) Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện việc lập danh sách, phân cấp quản lý, phân công thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín ở địa phương; b) Giao cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là cơ quan Thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này; c) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thường</p>



		xuyên kiểm tra, giám sát đảm bảo việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, đúng chế độ và kịp thời; định kỳ tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chính sách gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.
7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.	14. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.	Giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi số thứ tự khoản 7 thành khoản 14.
8. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc được phân công theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	12. Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và các lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi số thứ tự khoản 8 thành khoản 12.
9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.	16. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; <del>xây dựng cơ sở dữ liệu</del> , hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.	Bỏ nội dung “xây dựng cơ sở dữ liệu” cho phù hợp với quy định về quản lý thông tin dữ liệu và thay đổi số thứ tự khoản 8 thành khoản 16
10. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp	13. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, và giải quyết khiếu nại, tố cáo <del>theo quy định của pháp luật</del> đối với các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc; <del>phòng, chống</del>	- Sửa lại cho phù hợp với quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và thay đổi số thứ tự khoản 10 thành khoản 13.

<p>luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	<p><del>tham nhũn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực công tác được giao theo quy định của pháp luật.</del></p>	<p>- Tách khoản 10 của Thông tư liên tịch, thành 02 khoản là khoản 13 và khoản 20 của dự thảo Thông tư thay thế.</p>
<p>11. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.</p>	<p>9. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi số thứ tự khoản 11 thành khoản 9.</p>
<p>12. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>10. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi số thứ tự khoản 12 thành khoản 10.</p>
<p>13. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm cơ cấu thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.</p> <p>Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại</p>	<p>11. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm <i>hợp lý</i> cơ cấu <i>tỷ lệ</i> thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.</p> <p><b>Chủ trì</b>, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo</p>	<p>- Chính sửa, bổ sung cụm từ in đậm nghiêng <i>“hợp lý”</i> và <i>“tỷ lệ”</i> cho phù hợp với các quy định hiện hành.</p> <p>- Bổ sung nhiệm vụ <i>“Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo...”</i>, căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-TTg ngày 24/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các</p>



<p>học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật; biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.</p>	<p>trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật; biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.</p>	<p>đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó giai đoạn 2021 - 2023, chuyển 7 trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc gồm: Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Nha Trang, Trường Dự bị Đại học TP. Hồ Chí Minh, Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80, Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc về trực thuộc Ủy ban Dân tộc.</p> <p>- Thay đổi số thứ tự khoản 13 thành khoản 11.</p>
<p>14. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo hướng dẫn chung của Ủy ban Dân tộc và theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	<p>17. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc Ban Dân tộc; mối quan hệ công tác và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi số thứ tự khoản 14 thành khoản 17</p>
<p>15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên</p>	<p>18. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; <i>vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ban Dân tộc</i>; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi</p>	<p>- Bổ sung thêm "<i>vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ban Dân</i></p>

chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	dưỡng và các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Dân tộc theo quy định và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	<b>tộc”</b> một số Ban Dân tộc có đơn vị sự nghiệp trực thuộc. - Thay đổi số thứ tự khoản 15 thành khoản 18.
16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Dân tộc.	15. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Dân tộc.	Giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi số thứ tự khoản 16 thành khoản 15
17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	19. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Giữ nguyên
	20. Tổ chức thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.	Tách từ khoản 10 của Thông tư liên tịch cũ thành 01 khoản riêng là khoản 20, làm rõ hơn nội dung và phù hợp với quy định các quy định của Luật phòng chống tham nhũng
18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.	21. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
<b>Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế</b> 1. Lãnh đạo Ban Dân tộc a) Ban Dân tộc có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban. b) Trưởng ban là người đứng đầu Ban, chịu trách	<del><b>Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế</b> 1. Lãnh đạo Ban Dân tộc a) Ban Dân tộc có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban. b) Trưởng ban là người đứng đầu Ban, chịu</del>	Bãi bỏ Điều 3 do việc quy định cơ cấu tổ chức và biên chế của Ban Dân tộc cấp tỉnh thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.



nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban;

c) Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng ban vắng mặt hoặc khi cần thiết một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban;

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Chính sách Dân tộc;
- d) Phòng Kế hoạch Tổng hợp;
- đ) Phòng Tuyên truyền và Địa bàn.

3. Biên chế công chức của Ban Dân tộc được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cấp có thẩm quyền giao.

~~trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban;~~

~~c) Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng ban vắng mặt hoặc khi cần thiết một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban;~~

~~d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.~~

~~2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ~~

- ~~a) Văn phòng;~~
- ~~b) Thanh tra;~~
- ~~c) Phòng Chính sách Dân tộc;~~
- ~~d) Phòng Kế hoạch Tổng hợp;~~
- ~~đ) Phòng Tuyên truyền và Địa bàn.~~

~~3. Biên chế công chức của Ban Dân tộc được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung~~

	<b>trung ương được cấp có thẩm quyền giao.</b>	
<b>Điều 4. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở những tỉnh chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Ban Dân tộc</b>	<b>Điều 3. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở những tỉnh chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Ban Dân tộc</b>	Giữ nguyên tên Điều, chỉ thay đổi thứ tự Điều 4 thành Điều 3.
1. Những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Ban Dân tộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập Phòng Dân tộc (hoặc bố trí công chức làm công tác dân tộc) thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	1. Những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Ban Dân tộc theo quy định tại <i>khoản 10 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i> được thành lập Phòng Dân tộc (hoặc bố trí công chức làm công tác dân tộc) thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Thay thế Nghị định số 107/2020/NĐ-CP.
Phòng Dân tộc (hoặc công chức được bố trí làm công tác dân tộc) chịu sự chỉ đạo của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đảm bảo cơ sở vật chất và hành chính quản trị cho hoạt động của Phòng Dân tộc. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương theo sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Phòng Dân tộc (hoặc công chức được bố trí làm công tác dân tộc) chịu sự chỉ đạo của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đảm bảo cơ sở vật chất và hành chính quản trị cho hoạt động của Phòng Dân tộc. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương theo sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Giữ nguyên
Phòng Dân tộc (hoặc công chức được bố trí làm công tác dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có chức năng tham mưu, giúp Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương. Căn	Phòng Dân tộc: (hoặc công chức được bố trí làm công tác dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có chức năng tham mưu, giúp Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương.	Bỏ quy định cơ cấu tổ chức và biên chế của Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP



<p>cứ quy định tại Điều 2 của Thông tư liên tịch này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Phòng Dân tộc.</p> <p>Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Trưởng phòng và không quá 02 Phó Trưởng phòng.</p> <p>Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	<p>Căn cứ quy định tại Điều 2 của Thông tư này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Phòng Dân tộc.</p> <p><del>Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Trưởng phòng và không quá 02 Phó Trưởng phòng.</del></p> <p><del>Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</del></p>	<p>việc này đã phân cấp cho UBND cấp tỉnh.</p>
<p>2. Biên chế công chức của Phòng Dân tộc do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trong tổng biên chế công chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm đủ biên chế để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.</p>	<p><del>2. Biên chế công chức của Phòng Dân tộc do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trong tổng biên chế công chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm đủ biên chế để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.</del></p>	<p>Bổ quy định cơ cấu tổ chức và biên chế của Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Nghị định số 101/2020/ND-CP việc này đã phân cấp cho UBND cấp tỉnh.</p>
<p><b>Chương II</b> <b>PHÒNG DÂN TỘC CẤP HUYỆN</b></p>	<p><b>Chương II</b> <b>PHÒNG DÂN TỘC CẤP HUYỆN</b></p>	<p>Giữ nguyên</p>
<p><b>Điều 5. Vị trí và chức năng</b></p> <p>1. Phòng Dân tộc là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về công tác dân tộc.</p> <p>2. Phòng Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ</p>	<p><b>Điều 4. Vị trí và chức năng</b></p> <p>1. Phòng Dân tộc là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về công tác dân tộc.</p> <p>2. Phòng Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; <i>chấp hành</i> sự lãnh đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu</p>	<p>- Điều chỉnh cụm từ "<i>chịu sự</i>" thành cụm từ "<i>chấp hành sự</i>" theo quy định Nghị định 108/2020/ND-CP.</p> <p>- Thay đổi số thứ tự Điều 5 thành Điều 4.</p>

<p>đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với những tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc).</p>	<p>ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời <i>chấp hành</i> sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với những tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc).</p>	
<p><b>Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn</b></p>	<p><b>Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn</b></p>	<p>Thay đổi số thứ tự Điều 6 thành Điều 5.</p>
<p>1. Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện:</p> <p>a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch, đề án dài hạn, 05 năm và hàng năm, chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công tác dân tộc; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực công tác dân tộc;</p> <p>b) Dự thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác dân tộc trên địa bàn.</p>	<p>1. <del>Chủ trì xây dựng và Trình</del> Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:</p> <p>a) <del>Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện:</del> Dự thảo quyết định; quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm về công tác dân tộc; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc trên địa bàn cấp huyện;</p> <p>b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công.</p>	<p>Bổ sung khoản 1, Điều 1 của Nghị định số 108/2020/NĐ-CP</p>
<p>2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình, dự án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc; chủ trì, phối hợp vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p>	<p>2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, <del>chính sách, đề án</del>, chương trình <del>dự án</del> đã được phê duyệt; <del>hướng dẫn</del>, thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về <del>lĩnh vực công tác dân tộc; công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số; chủ trì, phối hợp vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</del></p>	<p>- Biên tập lại gọn lại về nội dung không thay đổi.</p> <p>- Bỏ ý "công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số" vì trùng với khoản 3.</p>



<p>3. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ ổn định cuộc sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp thích hợp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác trên địa bàn huyện.</p>	<p>3. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ ổn định cuộc sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp thích hợp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác trên địa bàn huyện.</p>	<p>Giữ nguyên</p>
	<p><i>4. Là cơ quan thường trực tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 của huyện.</i></p>	<p>Bổ sung thêm vì lý do: Hiện nay, UBND được Quốc hội, Chính phủ giao là cơ quan Thường trực tham mưu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia PTKT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030 (Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Quyết định số 1014/QĐ-TTg);</p>
<p>4. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số của huyện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu ở vùng dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng</p>	<p>5. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số của huyện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu ở vùng dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ</p>	<p>Nội dung giữ nguyên, chỉ thay đổi về số thứ tự khoản 4 thành khoản 5.</p>

và pháp luật của Nhà nước.	trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	
	<p><i>6. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận, bổ sung người có uy tín và thực hiện việc rà soát, bổ sung hoặc thay thế người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với có uy tín.</i></p>	<p>Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; giao đó Thủ tướng Chính phủ giao UBNDT tham mưu thực hiện.</p>
<p>5. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.</p>	<p>9. Tổ chức triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi số thứ tự khoản 5 thành khoản 9.</p>
<p>6. Kiểm tra việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án và các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>	<p><i>7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tham gia thanh tra; Kiểm tra việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án và các quy định của pháp luật; giải quyết các khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm về thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn huyện theo quy định. Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</i></p>	<p>Biên tập lại câu từ về nội dung giữ nguyên và thay đổi số thứ tự khoản 6 thành khoản 7.</p>



<p>7. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ về công tác dân tộc trên địa bàn huyện và nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ở những tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc).</p>		<p>8. Thực hiện công tác <i>thống kê</i>, thông tin, báo cáo <del>định kỳ và đột xuất</del> Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ở những tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc) về tình hình, kết quả triển khai công tác dân tộc trên địa bàn.</p>	<p>Biên tập lại câu, từ về nội dung giữ nguyên và thay đổi số thứ tự khoản 7 thành khoản 8.</p>
<p>8. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Dân tộc theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>		<p>10. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Dân tộc theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung chỉ thay đổi số thứ tự khoản 8 thành khoản 10.</p>
<p>9. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>		<p>11. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Phòng Dân tộc theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung chỉ thay đổi số thứ tự khoản 9 thành khoản 11.</p>
		<p>12. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác dân tộc và các lĩnh vực công tác khác được giao trên cơ sở quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ban Dân tộc cấp tỉnh.</p>	<p>Bổ sung mới</p>
<p>10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.</p>		<p>13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung chỉ thay đổi số thứ tự khoản 10 thành khoản 13.</p>

## Điều 7. Tổ chức bộ máy và biên chế

1. Phòng Dân tộc có Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn, nghiệp vụ

Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng.

Các Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và theo quy định của pháp luật. Việc điều động, luân chuyển, cho từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của địa phương.

2. Biên chế công chức của Phòng Dân tộc được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của huyện được cấp có thẩm quyền giao.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Phòng Dân tộc xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

## Điều 7. Tổ chức bộ máy và biên chế

~~1. Phòng Dân tộc có Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức chuyên môn, nghiệp vụ~~

~~Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng.~~

~~Các Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.~~

~~Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và theo quy định của pháp luật. Việc điều động, luân chuyển, cho từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của địa phương.~~

~~2. Biên chế công chức của Phòng Dân tộc được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của huyện được cấp có thẩm quyền giao.~~

~~3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có~~

Bãi bỏ Điều 7, căn cứ quy định Nghị định 107/2020/NĐ-CP và Nghị định 108/2020/NĐ-CP việc quy định cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.



		<del>thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Phòng Dân tộc xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.</del>	
<p><b>Điều 8. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở những huyện chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Phòng Dân tộc</b></p> <p>1. Đối với những huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa đủ tiêu chí để thành lập Phòng Dân tộc theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân nơi thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.</p> <p>2. Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu công tác dân tộc của địa phương, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân nơi thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân phân công một Phó Chánh Văn phòng phụ trách công tác dân tộc và bố trí số lượng công chức chuyên trách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác dân tộc của địa phương, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.</p>		<p><b>Điều 6. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở những huyện chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Phòng Dân tộc</b></p> <p>1. Đối với những huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa đủ tiêu chí để thành lập Phòng Dân tộc theo quy định tại <i>khoản 10 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> thì tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân nơi thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.</p> <p>2. Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu công tác dân tộc của địa phương, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân nơi thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân phân công một Phó Chánh Văn phòng phụ trách công tác dân tộc và bố trí số lượng công chức chuyên trách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác dân tộc của địa phương, bảo đảm</p>	<p>- Thay thế quy định của Nghị định số 108/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Điều chỉnh số thứ tự Điều 8 thành Điều 6.</p>

	hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	
<b>Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	<b>Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	
<p><b>Điều 9. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 và thay thế Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-UBDT-BNV ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện.</p>	<p><b>Điều 7. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.</p> <p>2. <i>Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 07/2017/TTLT-UBDT-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện.</i></p>	<p>- Quy định bãi bỏ Thông tư liên tịch.</p> <p>- Điều chỉnh số thứ tự Điều 9 thành Điều 7.</p>
<p><b>Điều 10. Trách nhiệm thi hành</b></p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Phòng Dân tộc cấp huyện;</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư liên tịch này.</p> <p>3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn vướng mắc, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.</p>	<p><b>Điều 8. Trách nhiệm thi hành</b></p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Phòng Dân tộc cấp huyện.</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư liên tịch này.</p> <p>3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn vướng mắc, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung chỉ điều chỉnh số thứ tự Điều 10 thành Điều 8.</p>



Số: /2021/TT-UBNDT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện**

*Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ về thẩm quyền ban hành và nội dung Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tại Công văn số /BNV-TCCB ngày tháng năm 2021;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

*Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban*

nhân dân cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) như sau:

## Chương I BAN DÂN TỘC

### Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, **thực hiện** chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; **chấp hành** sự chỉ đạo, quản lý về **tổ chức, biên chế** và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời **chấp hành** sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

### Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ban Dân tộc và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Ban Dân tộc;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc cho sở, cơ quan ngang sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban Dân tộc **nếu có**;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về công tác dân tộc thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác dân tộc đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa,



vùng biên đảo, vùng căn cứ địa cách mạng và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

**6. Là cơ quan thường trực tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh.**

7. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc ở vùng dân tộc thiểu số trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

**8. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận, bổ sung người có uy tín và thực hiện việc rà soát, bổ sung hoặc thay thế người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với có uy tín.**

9. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

10. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

11. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm **hợp lý cơ cấu tỷ lệ** thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.

**Chủ trì**, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp,

dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật; biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và các lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

13. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc; xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực công tác được giao theo quy định của pháp luật.

14. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

15. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Dân tộc.

16. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

17. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ban Dân tộc; mối quan hệ công tác và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ban Dân tộc; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Dân tộc theo quy định và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

19. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

20. Tổ chức thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

21. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.



**Điều 3. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở những tỉnh chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Ban Dân tộc**

1. Những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Ban Dân tộc theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập Phòng Dân tộc (hoặc bố trí công chức làm công tác dân tộc) thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Phòng Dân tộc (hoặc công chức được bố trí làm công tác dân tộc) chịu sự chỉ đạo của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đảm bảo cơ sở vật chất và hành chính quản trị cho hoạt động của Phòng Dân tộc. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương theo sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Phòng Dân tộc (hoặc công chức được bố trí làm công tác dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có chức năng tham mưu, giúp Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương. Căn cứ quy định tại Điều 2 của Thông tư này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Phòng Dân tộc.

## **Chương II**

### **PHÒNG DÂN TỘC CẤP HUYỆN**

**Điều 4. Vị trí và chức năng**

1. Phòng Dân tộc là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Phòng Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; chấp hành sự lãnh đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với những tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc).

**Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện: Dự thảo quyết định; quy hoạch, kế

hoạch phát triển trung hạn và hàng năm về công tác dân tộc; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc trên địa bàn cấp huyện;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình đã được quyền phê duyệt; hướng dẫn, thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác dân tộc.

3. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ ổn định cuộc sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp thích hợp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác trên địa bàn huyện.

**4. Là cơ quan thường trực tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 của huyện.**

5. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số của huyện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu ở vùng dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

**6. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận, bổ sung người có uy tín và thực hiện việc rà soát, bổ sung hoặc thay thế người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với có uy tín.**

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tham gia thanh tra; giải quyết các khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm về thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn huyện theo quy định. Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ở những tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc) về tình hình, kết quả triển khai công tác dân tộc trên địa bàn.

9. Tổ chức triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn.



10. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Dân tộc theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

11. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Phòng Dân tộc theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*12. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác dân tộc và các lĩnh vực công tác khác được giao trên cơ sở quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ban Dân tộc cấp tỉnh.*

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở những huyện chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Phòng Dân tộc**

1. Đối với những huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa đủ tiêu chí để thành lập Phòng Dân tộc theo quy định tại *khoản 10 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trong đó quy định về việc kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân nơi thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.*

2. Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu công tác dân tộc của địa phương, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân nơi thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân phân công một Phó Chánh Văn phòng phụ trách công tác dân tộc và bố trí số lượng công chức chuyên trách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác dân tộc của địa phương, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 07/2017/TTLT-UBDT-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện.

### **Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Phòng Dân tộc cấp huyện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư liên tịch này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn vướng mắc, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ban Dân tộc các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ủy ban Dân tộc: Bộ trưởng, Chủ nhiệm, các Thứ trưởng Phó Chủ nhiệm và các vụ, đơn vị trực thuộc;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các vụ, đơn vị trực thuộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo và Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Ủy ban Dân tộc, Cổng TTĐT Bộ Nội vụ;
- Lưư: VT, TCCB (Ủy ban Dân tộc, 05b); VT, TCBC (Bộ Nội vụ).

### **BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

**Hầu A Lệnh**



**ỦY BAN DÂN TỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/TT-UBDT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện**

*Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ về thẩm quyền ban hành và nội dung Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tại Công văn số /BNV-TCCB ngày tháng năm 2021;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

*Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban*

nhân dân cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) như sau:

## Chương I BAN DÂN TỘC

### Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, **thực hiện** chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; **chấp hành** sự chỉ đạo, quản lý về **tổ chức, biên chế** và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời **chấp hành** sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

### Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ban Dân tộc và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Ban Dân tộc;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc cho sở, cơ quan ngang sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban Dân tộc **nếu có**;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về công tác dân tộc thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công tác dân tộc đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa,



vùng biển đảo, vùng căn cứ địa cách mạng và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc ở địa phương; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

**6. Là cơ quan thường trực tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh.**

7. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu có thành tích xuất sắc ở vùng dân tộc thiểu số trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

**8. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận, bổ sung người có uy tín và thực hiện việc rà soát, bổ sung hoặc thay thế người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với có uy tín.**

9. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

10. Tham gia, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các Sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

11. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bảo đảm **hợp lý cơ cấu tỷ lệ** thành phần dân tộc trên địa bàn; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại cơ quan nhà nước ở địa phương.

**Chủ trì**, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cử tuyển học sinh dân tộc thiểu số vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp,

dân tộc nội trú theo quy định của pháp luật; biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế về công tác dân tộc và các lĩnh vực được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

13. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc; xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực công tác được giao theo quy định của pháp luật.

14. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc cấp huyện và công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với các huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

15. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Dân tộc.

16. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

17. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ban Dân tộc; mối quan hệ công tác và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý tổ chức bộ máy; vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Ban Dân tộc; thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Dân tộc theo quy định và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

19. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

20. Tổ chức thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

21. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.



**Điều 3. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở những tỉnh chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Ban Dân tộc**

1. Những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Ban Dân tộc theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập Phòng Dân tộc (hoặc bố trí công chức làm công tác dân tộc) thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Phòng Dân tộc (hoặc công chức được bố trí làm công tác dân tộc) chịu sự chỉ đạo của Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đảm bảo cơ sở vật chất và hành chính quản trị cho hoạt động của Phòng Dân tộc. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương theo sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Phòng Dân tộc (hoặc công chức được bố trí làm công tác dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có chức năng tham mưu, giúp Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở địa phương. Căn cứ quy định tại Điều 2 của Thông tư này, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Phòng Dân tộc.

## **Chương II PHÒNG DÂN TỘC CẤP HUYỆN**

### **Điều 4. Vị trí và chức năng**

1. Phòng Dân tộc là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Phòng Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản; chấp hành sự lãnh đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với những tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc).

### **Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện: Dự thảo quyết định; quy hoạch, kế

hoạch phát triển trung hạn và hàng năm về công tác dân tộc; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc trên địa bàn cấp huyện;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình đã được quyền phê duyệt; hướng dẫn, thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác dân tộc.

3. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ ổn định cuộc sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc; tham mưu, đề xuất các chủ trương, biện pháp thích hợp để giải quyết các vấn đề xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư, di cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác trên địa bàn huyện.

*4. Là cơ quan thường trực tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 của huyện.*

5. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số của huyện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; lựa chọn đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu ở vùng dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

*6. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận, bổ sung người có uy tín và thực hiện việc rà soát, bổ sung hoặc thay thế người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với có uy tín.*

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tham gia thanh tra; giải quyết các khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm về thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn huyện theo quy định. Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ban Dân tộc hoặc Phòng Dân tộc thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ở những tỉnh không đủ tiêu chí thành lập Ban Dân tộc) về tình hình, kết quả triển khai công tác dân tộc trên địa bàn.

9. Tổ chức triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn.



10. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Dân tộc theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

11. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản của Phòng Dân tộc theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*12. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác dân tộc và các lĩnh vực công tác khác được giao trên cơ sở quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ban Dân tộc cấp tỉnh.*

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở những huyện chưa đủ điều kiện, tiêu chí thành lập Phòng Dân tộc**

1. Đối với những huyện có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống nhưng chưa đủ tiêu chí để thành lập Phòng Dân tộc theo quy định tại *khoản 10 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trong đó quy định về việc kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân nơi thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.*

2. Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu công tác dân tộc của địa phương, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân nơi thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân phân công một Phó Chánh Văn phòng phụ trách công tác dân tộc và bố trí số lượng công chức chuyên trách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác dân tộc của địa phương, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 07/2017/TTLT-UBDT-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện.

### **Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Phòng Dân tộc cấp huyện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư liên tịch này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn vướng mắc, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh kịp thời về Ủy ban Dân tộc và Bộ Nội vụ để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ban Dân tộc các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ủy ban Dân tộc: Bộ trưởng, Chủ nhiệm, các Thứ trưởng Phó Chủ nhiệm và các vụ, đơn vị trực thuộc;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các vụ, đơn vị trực thuộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo và Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Ủy ban Dân tộc, Cổng TTĐT Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TCCB (Ủy ban Dân tộc, 05b); VT, TCBC (Bộ Nội vụ).

### **BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

**Hầu A Lệnh**



**DANH SÁCH  
CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ**

Văn phòng chính phủ
Bộ Quốc phòng
Bộ Công an
Bộ Ngoại giao
Bộ Nội vụ
Bộ Tư pháp
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ Tài chính
Bộ Công thương
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Bộ Giao thông vận tải
Bộ Xây dựng
Bộ Tài nguyên và Môi trường
Bộ Thông tin và Truyền thông
Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ Giáo dục và Đào tạo
Bộ Y tế
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Thanh tra Chính phủ



## II. Cơ quan thuộc Chính phủ

Ban Quản lý lạng Chủ tịch Hồ Chí Minh
Bảo hiểm Xã hội Việt Nam
Đài Tiếng nói Việt Nam
Đài Truyền hình Việt Nam
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
Thông tấn xã Việt Nam
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TT	TỈNH, THÀNH PHỐ
1.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	1.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
2.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	2.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
3.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU	3.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
4.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	4.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
5.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	5.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
6.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	6.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
7.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	7.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
8.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	8.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
9.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN	9.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN



19.	ỦY BAN NHÂN DÂN TP HÀ NỘI	19.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
20.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	20.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
21.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG	21.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
22.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH	22.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
23.	ỦY BAN NHÂN DÂN TP HỒ CHÍ MINH	23.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
24.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	24.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
25.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	25.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
26.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	26.	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

10. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU

11. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

12. ỦY BAN NHÂN DÂN TP  
CẦN THƠ

13. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

14. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG

15. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

16. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

17. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI

18. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG

10. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ

11. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

12. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM

13. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NINH

14. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

15. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

16. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG

17. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA

18. ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH